

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số:3739 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Mở rộng Nhà máy May Hoài Sơn của Công ty TNHH May Hoài Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2623/STNMT-CCBVM ngày 07/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Nhà máy May Hoài Sơn của Công ty TNHH May Hoài Sơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Nhà máy May Hoài Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 015/2023/CV-MHS ngày 02/10/2023 của Công ty TNHH May Hoài Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1200/TTr-STNMT ngày 05/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mở rộng Nhà máy May Hoài Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH May Hoài Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô A2 Cụm công nghiệp Tường Sơn, thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- Chủ dự án;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN MỞ RỘNG NHÀ MÁY MAY HOÀI SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng Nhà máy May Hoài Sơn.
- Địa điểm thực hiện: Lô A2 Cụm công nghiệp Tường Sơn, thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH May Hoài Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: Lô A2 Cụm công nghiệp Tường Sơn, thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0914039115 (ông Trịnh Hoài Sang – Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án là 10.300,7 m² (trong đó: diện tích Nhà máy hiện trạng là 8.379,7 m²; diện tích phần mở rộng là 1.921 m²).
- Quy mô, công suất: Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy sản xuất lên 1.950.000 chiếc quần, áo/năm (tăng công suất từ 1.350.000 lên 1.950.000 chiếc quần, áo/năm; không có công đoạn giặt, tẩy).

1.3. Công nghệ sản xuất

Kiểm tra nguyên, phụ liệu → Cắt → Kiểm tra bán thành phẩm → May → Kiểm phẩm → Ủi → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói thành phẩm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình chính: nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất, nhà ăn, bể PCCC.
- Các hạng mục công trình phụ trợ: bãi đỗ xe, khu xử lý nước thải, khu lưu chứa chất thải rắn, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh.

1.4.2. Các hoạt động của dự án: Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình, hoàn thiện và đi vào vận hành.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1.015,9 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình mở rộng (nhà kho), chuyển đổi công năng kho chứa hàng hiện hữu thành xưởng sản xuất: phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển,...

- Tác động không liên quan đến chất thải: ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân sống dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

2.3. Giai đoạn hoạt động sản xuất

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tại Nhà máy: phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải khu nhà ăn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, bụi, tiếng ồn,...

- Hoạt động sản xuất của Nhà máy: phát sinh chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại; tiếng ồn từ máy máy nén khí, máy may...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại nhà máy: Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng với lưu lượng khoảng $0,675 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân nhà máy hiện hữu $15,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải nhà ăn của nhà máy hiện hữu $8,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh tại các khu vực xây dựng với lưu lượng trung bình khoảng $01 - 02 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công và nước mưa chảy tràn trên mặt bằng nhà máy hiện hữu. Thành phần chủ yếu chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy khoảng $22,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải nhà ăn tại nhà máy khoảng $12,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng nhà máy. Thành phần chủ yếu chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông trong quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, bụi quá trình vận chuyển nguyên, nhiên liệu sản xuất, thành phẩm, mùi hôi từ các khu nhà vệ sinh, khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt nhà máy hiện hữu. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản xuất, thành phẩm, mùi hôi từ các khu nhà vệ sinh, khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thành phần chủ yếu là bụi, mùi hôi.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phần mở rộng (kho chứa hàng), chuyển đổi công năng kho chứa hàng hiện hữu thành xưởng sản xuất, tổng khối lượng phát sinh khoảng 200 kg. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, gỗ cốp pha,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khối lượng khoảng 10,27 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân nhà máy hiện hữu phát sinh khối lượng khoảng 240 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì ni lông, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường hoạt động sản xuất từ hoạt động của nhà máy hiện hữu với khối lượng khoảng 1.122 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bao bì, vải vụn, chỉ thừa, thùng carton, ...

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân nhà máy phát sinh khối lượng khoảng 342,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì ni lông, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường hoạt động sinh hoạt của nhà máy phát sinh khối lượng khoảng 1.572 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bao bì, vải vụn, chỉ thừa, thùng carton,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình phần mở rộng (kho chứa hàng), chuyển đổi công năng kho chứa hàng hiện hữu thành xưởng sản xuất phát sinh khoảng 4 kg/tháng; Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của nhà máy hiện hữu phát sinh khoảng 4,75 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu máy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy chì thải,...

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của Nhà máy với khối lượng khoảng 108,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu máy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy chì thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phần mở rộng (kho chứa hàng), chuyển đổi công năng kho chứa hàng hiện hữu thành xưởng sản xuất phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp thi công công trình và người lao động tại Nhà máy hiện hữu.

- Hoạt động sản xuất tại Nhà máy hiện hữu phát sinh tiếng ồn từ quá trình vận hành máy nén khí, các phương tiện giao thông ra vào nhà máy.

b) Giai đoạn hoạt động

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành máy nén khí, các phương tiện giao thông ra vào nhà máy.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, an ninh trật tự,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố thiên tai...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và của cán bộ, công nhân nhà máy hiện hữu được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó nước thải được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải hiện có của nhà máy để tiếp tục xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTMMT, cột B, K = 1 sẽ được dẫn thoát ra môi trường (thông qua rãnh thoát nước tự nhiên ở phía Nam nhà máy).

- Nước thải từ quá trình xây dựng: Nước vệ sinh thiết bị được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các

mương thoát nước tạm thời, hệ thống thoát nước mưa hiện hữu và thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống nguồn nước mặt.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa từ mái nhà xưởng, nhà văn phòng: thu gom qua đường ống nhựa PVC D90.

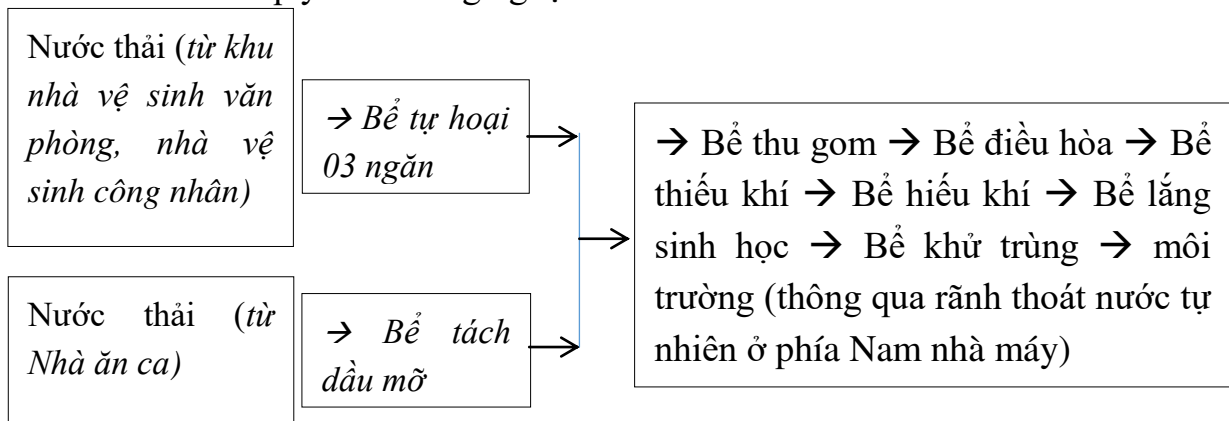
+ Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn trên mặt bằng được thu gom qua hệ thống mương thu gom nước mưa được bố trí dọc đường giao thông nội bộ nhà máy. Hệ thống mương thu gom có bố trí các hố ga và song chắn rác.

+ Toàn bộ nước mưa sau khi thu gom được dẫn ra cống thoát chung của Cụm công nghiệp bố trí ở cổng chính của Nhà máy ở phía Đông bằng đường ống nhựa PVC D140, D600.

- Nước thải sinh hoạt:

Thu gom, xử lý bằng bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý theo quy định, quy trình xử lý nước thải như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày. đêm.

- Quy trình vận hành: thường xuyên, liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen để khử trùng.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào ngày nắng.

- Đối với các phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi

công.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên thực hiện công tác quét dọn, vệ sinh mặt bằng, các tuyến đường nội bộ trong nhà máy, đặc biệt là tại các khu vực sản xuất, khu vực xung quanh văn phòng làm việc,... để hạn chế mức thấp nhất mức độ phát sinh bụi.

- Bố trí bãi đậu xe và nhân viên hướng dẫn xe ra vào nhà máy hợp lý, tránh ùn tắc gây ô nhiễm môi trường, quy định tốc độ đối với các phương tiện ra vào dự án.

- Quy định tắt máy trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm, chờ vận chuyển từ nhà máy.

- Bê tông hóa khuôn viên nhà máy, trồng cây xanh theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất được phê duyệt.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng sẽ được thu gom vào các thùng rác đặt tại các vị trí trong khu vực công trường, cuối ngày thu gom tập trung vào thùng rác lớn đưa về vị trí tập kết rác của nhà máy hiện hữu, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Trang bị các 12 thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại khuôn viên nhà máy, khu nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại khu vực phía Tây Nam của Nhà máy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thu gom những thành phần có thể tái sử dụng như bao bì giấy vụn, sắt thép vụn,... để chuyển giao cho những cơ sở thu mua có chức năng. Chất thải không thể tái sử dụng được thu gom chung với chất thải sinh hoạt, hợp đồng vận chuyển, đem đi xử lý đúng quy định.

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất nhà máy hiện hữu bao gồm: bao bì, vải vụn, chỉ thừa, thùng carton,... phát sinh từ hoạt động của nhà máy hiện hữu được thu gom về kho chứa chất thải rắn sản xuất bố trí tại khu vực phía Tây Nam của nhà máy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất bao gồm: bao bì, vải vụn, chỉ thừa, thùng carton,... được thu gom về kho chứa chất thải rắn sản xuất bố trí tại khu vực phía Tây Nam của nhà máy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý (hoặc tái chế) theo đúng quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng mở rộng và hoạt động nhà máy hiện hữu

- Bố trí các thùng chứa thu gom chất thải nguy hại tại các khu vực thi công xây dựng, có dán nhãn nhận biết theo quy định, sau đó được đưa về kho chứa CTNH của nhà máy hiện hữu để lưu chứa. Lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được thu gom, lưu trữ cùng với CTNH của nhà máy hiện hữu.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí 01 thùng chứa (06 ngăn) và 02 can nhựa 40 lít để thu gom CTNH, bố trí khu vực chứa CTNH có diện tích khoảng 10 m², có mái che, có các biển báo đảm bảo theo quy định để lưu chứa chất thải phát sinh và có cos nền cao hơn cos nền mặt bằng nhà máy 10cm, bố trí tại khu vực phía Tây Nam dự án.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hư hỏng.

- Chân đế máy móc, thiết bị được lắp cố định và chắc chắn vào sàn, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su để giảm rung.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy theo quy hoạch được duyệt.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống thu gom và thoát nước thải; bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại nhà máy.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống ống dẫn khí nén, các bình nén khí.

- Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công

- Giám sát an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thi công.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành:

- Giám sát chất lượng nước thải (theo đề xuất của Chủ dự án)
 - + Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải (tại đường ống dẫn nước thải ra mương hiện trạng ở phía Nam).
 - + Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1).
- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.